

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 11/NgonNgon/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Thái Hoà (tổ bàn số 62, thửa số 323), Phường Long Bình

Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0919755339

Email: [truonganhphung@gmail.com](mailto:truonganhphung@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 47A8040878.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 02/2025/NNPTNT-DNA

Ngày Cấp: 09/01/2025

Nơi cấp: Phòng Kinh tế thành phố Biên Hoà.

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm: Bánh đậu xanh nướng

2. Thành phần: Nước, đậu xanh (36%), đường, bột năng, dầu ăn, muối, phụ gia  
282.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Hạn sử dụng: 01 ngày

Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh  
nắng trực tiếp

4. Quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trực tiếp PP, PE, Khay sốp, màng co hoặc  
bao bì giấy. Bao bì sạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y  
Tế.

- khối lượng tịnh: 70g, 80g, 90g, 100g, 200g; 250g; 400g; 500g, hoặc khối lượng  
tịnh có thể thay đổi theo yêu cầu của thị trường.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Cơ sở sản xuất: Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon

- Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Thái Hoà (tổ bản số 62, thửa số 323), Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Sản phẩm phải phù hợp với quy định về an toàn thực phẩm:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT, Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm các yếu tố vi nấm trong thực phẩm.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung nghị định số 43/2017/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hoá.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2025



*Trương Anh Phụng*



## BÁNH ĐẬU XANH NƯỚNG



Thành phần: Nước, đậu xanh (36%), đường, bột năng, dầu ăn, muối, phụ gia 282.

Sản Xuất Tại Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon

Địa chỉ: Tổ 2, Khu Phố Thái Hòa (tờ bản đồ số 62, thửa số 323),

Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Điện thoại: 09.15.755.339

Khối lượng tịnh: gam Ngày sản xuất:

Hướng dẫn sử dụng: Mở bao bì ăn trực tiếp

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hạn sử dụng: 01 ngày kể từ ngày sản xuất

Hồ Sơ Tự Công Bố: 11/NgonNgon/2025

**HỘ KINH DOANH NGON NGON**  
**Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản đồ số 62, thửa số 323)**  
**P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai**  
**MST: 8 2 5 3 6 8 0 7 4 5**

**SẢN PHẨM ĂN CHAY ĐƯỢC**

Chứa bảo an toàn. KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG

**HỘ KINH DOANH NGON NGON**  
Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản đồ số 62, thửa số 323)  
P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
MST: 8 2 5 3 6 8 0 7 4 5

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
HỘ KINH DOANH**

**Số: 47A8040878**

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 3 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 16 tháng 01 năm 2020

1. Tên hộ kinh doanh: Hộ kinh doanh NGON NGON

2. Địa điểm kinh doanh: Tổ 2, KP Thái Hòa (tờ bản đồ số 62, thửa số 323), phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0915755339

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất và chế biến bánh các loại, xôi, chè, thịt nguội; Nấu ăn suất ăn công nghiệp; Mua bán quần áo, dụng cụ gia đình, kẹp tóc, đồ trang sức xi mạ, bách hóa tổng hợp, rượu, bia, nước giải khát, trái cây, thịt (cấm bán thịt và các sản phẩm động vật chưa qua kiểm dịch hợp pháp), cá, rau củ quả; Bán ăn uống.

(chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo qui định của pháp luật hiện hành)

4. Vốn kinh doanh: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh:

Họ và tên: TRƯƠNG ANH PHỤNG

Giới tính:

Sinh ngày: 11 06 1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: 272417776

Ngày cấp: 14 04 2018

Nơi cấp: Công an Đồng Nai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 333, tổ 20B, KP 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa

Chỗ ở hiện nay: 333, tổ 20B, KP 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Thị Mỹ Phương**



**HỘ KINH DOANH NGON NGON**  
Số 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản đồ số 62, thửa số 323)  
P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
MST: 8 2 5 3 6 8 0 7 4 5

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐU ĐỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**CERTIFICATE**  
**OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS**

**PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**  
**CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION**

**Cơ sở/ Establishment:** Hộ kinh doanh NGON NGON

**Mã số/ Approval number:** 47A8040878 nơi cấp: Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Biên Hòa cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/3/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/01/2020.

**Địa chỉ/ Address:** Tô 2, KP Thái Hòa (tờ bản đồ số 62, thửa số 323) phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**Điện thoại/ Tel:** 0915755339      **Fax:**

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:**  
*Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:*

**Chế biến thực phẩm:**

1. Xôi vị (thành phần nguyên liệu từ nông sản).
2. Chè ( thành phần nguyên liệu từ nông sản).
3. Bánh các loại (thành phần nguyên liệu từ nông sản).

**Số cấp/ Number:** 02/2025/NNPTNT-DNA

**Có hiệu lực đến ngày 09 tháng 01 năm 2028.**

**Valid until (date/month/year):**

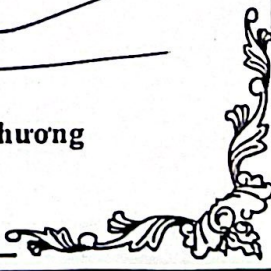
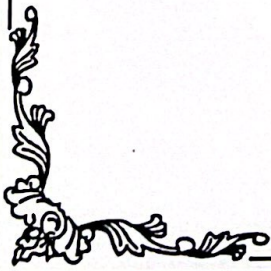
**(\*) và thay thế Giấy chứng nhận số: 07/2022/NNPTNT-BH ngày 26/01/2022**

**And replaces The Certificate N°:**

**Biên Hòa, ngày 09 tháng 01 năm 2025**



**Phạm Thị Mỹ Phương**



Số/No.: 2505399-2/KQ  
Trang/ Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Codo : 25041149/KG  
Mã số mẫu/ : 25044528  
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : **HỘ KINH DOANH NGON NGON**

Địa chỉ/ Address : **Tổ 2, Khu phố Thái Hòa, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **28/04/2025** Ngày trả kết quả/ Date of issue : **08/05/2025**

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : **28/04/2025 – 08/05/2025**

Tên mẫu/ Name of sample : **ĐẬU XANH NƯỚNG**

Tình trạng mẫu/ State of sample :  
- Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
- Mẫu thực phẩm đựng trong bao bì kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm



Nguyễn Lê Phương Nhật

**HỘ KINH DOANH N**  
Tổ 2, KP. Thái Hòa (Tờ bản  
P. Long Bình Tân, TP. Bi  
MST: 8 2 5 3

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & P.TN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)  
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh  
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com  
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024



Mã số/ Code : 25041149/KG  
 Mã số mẫu/ : 25044528  
 Sample Code

| STT No. | TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS      | ĐƠN VỊ UNIT | PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD                                                       | KẾT QUẢ RESULT        |
|---------|---------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1       | Chì (Pb)                        | mg/kg       | AOAC 999.11 (*)                                                                   | KPH<br>(LOD = 0,02)   |
| 2       | Cadimi (Cd)                     | mg/kg       | AOAC 999.11 (*)                                                                   | KPH<br>(LOD = 0,0015) |
| 3       | Aflatoxin B1                    | µg/kg       | TCVN 10638:2014 (*)                                                               | KPH<br>(LOD = 0,1)    |
| 4       | Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/kg       | TCVN 10638:2014 (*)                                                               | KPH<br>(LOD = 0,15)   |
| 5       | Ochratoxin A                    | µg/kg       | TKM-TN-245:2021 (*)<br>(Ref. AOAC 2000.03,<br>TCVN 9524:2012,<br>TCVN 10928:2015) | KPH<br>(LOD = 0,75)   |
| 6       | Deoxynivalenol                  | µg/kg       | TCVN 10929:2015 (*)<br>(EN 15891:2010)                                            | KPH<br>(LOD = 50)     |
| 7       | Zearalenone                     | µg/kg       | TKM-TN-246:2021 (*)<br>(Ref. TCVN 10640:2014)                                     | KPH<br>(LOD = 5)      |
| 8       | <i>E.coli</i> giả định          | MPN/g       | TCVN 6846:2007 (*)                                                                | 0                     |
| 9       | <i>Coliforms</i>                | CFU/g       | TCVN 6848:2007 (*)                                                                | <10                   |
| 10      | <i>Bacillus cereus</i>          | CFU/g       | AOAC 980.31 (*)                                                                   | <10                   |
| 11      | <i>Staphylococcus aureus</i>    | CFU/g       | TCVN 4830-1:2005 (*)                                                              | <10                   |
| 12      | <i>Clostridium perfringens</i>  | CFU/g       | TCVN 4991:2005 (*)                                                                | <10                   |
| 13      | Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | CFU/g       | TCVN 4884-1:2015 (*)                                                              | 8,0×10 <sup>3</sup>   |
| 14      | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g       | TCVN 8275-2:2010 (*)                                                              | <10                   |

Ghi chú: (\*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (\*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

**TRẦN NGON**  
 Số 62, Thửa số 323)  
 n Hòa, T. Đồng Nai  
**6 8 0 7 4 5**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

|                               |                                                                                                                         |                                 |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| CÔNG TY TNHH LÒNG<br>HUY PHÁT | NHÓM SẢN PHẨM:<br><br>Sản phẩm từ ngũ cốc, khoai,<br>đậu củ, đỗ, bánh, bột( không qua<br>sử lý nhiệt trước khi sử dụng) | SỐ:<br>11:2025/NGONNGON-<br>LHP |
| Hộ kinh doanh Ngon Ngon       | Bánh Đậu Xanh Nướng                                                                                                     |                                 |

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm Bánh đậu xanh nướng do Hộ Kinh Doanh Ngon Ngon sản xuất, tuân thủ các quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm theo pháp luật hiện hành.

2. Thành phần sản phẩm

Nước, đậu xanh (36%), đường, bột năng, dầu ăn, muối, phụ gia 282.

3. Chỉ tiêu cảm quan

| Chỉ tiêu   | Yêu cầu                                    | Phương pháp đánh giá |
|------------|--------------------------------------------|----------------------|
| Màu sắc    | Vàng đều, bề mặt nâu<br>nhẹ do nướng       | Quan sát trực tiếp   |
| Mùi vị     | Thơm mùi đậu xanh,<br>béo nhẹ, ngọt dịu    | Cảm quan             |
| Trạng thái | Bánh mềm, không vỡ<br>vụn, không cháy khét | Quan sát trực tiếp   |

HỘ K  
Tổ 2, KF  
P. Lon  
MST

#### 4. Chỉ tiêu chất lượng

Có thể áp dụng kiểm tra độ ẩm  $\leq 32\%$ , pH từ 6.0 – 7.0 tùy theo quy trình sản xuất.

#### 5. Chỉ tiêu an toàn thực phẩm

##### 5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật (QCVN 8-3:2012/BYT)

| Chỉ tiêu vi sinh             | Giới hạn tối đa<br>(CFU/g hoặc ml) | Phương pháp thử   | Ghi chú     |
|------------------------------|------------------------------------|-------------------|-------------|
| Tổng số vi sinh vật hiếu khí | $10^6$                             | TCVN 4884-1:2015  |             |
| Coliforms                    | $10^2$                             | TCVN 6848:2007    |             |
| E. coli                      | Không phát hiện/1g                 | TCVN 7924-2:2008  |             |
| Salmonella                   | Không phát hiện/25g                | TCVN 10780-1:2017 |             |
| Clostridium perfringens      | $10^2$                             | TCVN 4991:2005    | Nếu áp dụng |

##### 5.2. Chỉ tiêu vi nấm (QCVN 8-1:2011/BYT)

| Chỉ tiêu vi nấm          | Giới hạn tối đa<br>(CFU/g) | Phương pháp thử  | Ghi chú |
|--------------------------|----------------------------|------------------|---------|
| Nấm men, nấm mốc tổng số | $10^3$                     | TCVN 8275-2:2010 |         |

##### 5.3. Chỉ tiêu kim loại nặng (QCVN 8-2:2011/BYT)

| Chỉ tiêu kim loại nặng | Giới hạn tối đa<br>(mg/kg) | Phương pháp thử | Ghi chú     |
|------------------------|----------------------------|-----------------|-------------|
| Chì (Pb)               | 0.1                        | TCVN 9338:2012  |             |
| Cadimi (Cd)            | 0.05                       | TCVN 9721:2013  |             |
| Thủy ngân (Hg)         | 0.01                       | AOAC 977.15     | Nếu áp dụng |
| Asen (As)              | 0.1                        | TCVN 6626:2000  | Nếu áp dụng |

IH DOANH N  
Thái Hòa (Tờ bản đồ  
Bình Tân, TP. Biên Hòa)  
8 2 5 3 6

#### 6. Bao bì – ghi nhãn

Bao bì phải đảm bảo an toàn thực phẩm, phù hợp bảo quản sản phẩm. Nhãn sản phẩm phải ghi đầy đủ theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP.

#### 7. Bảo quản và hạn sử dụng

Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sử dụng trong vòng 1 ngày kể từ ngày sản xuất.

#### 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất

Đảm bảo sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn này và các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 06 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



*Trương Anh Phụng*

